

Bản án số: 98/2017/DS-ST

Ngày: 18-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thanh Tuyền

Ông Trần Văn Ân

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thắm, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2017/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn L, sinh năm: 1969; nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn H, sinh năm: 1971;

2. Ông Đỗ T, sinh năm: 1968;

Cùng cư trú tại: ấp N, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Đỗ T: Bà Nguyễn H, sinh năm: 1971; nơi cư trú: ấp N, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/4/2017); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Nguyễn L trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến 2016, bị đơn là bà Nguyễn H có vay của bà nhiều lần và thiếu tiền nợ góp hui nhiều lần với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, nhưng bà không nhớ rõ số tiền hui cụ thể là bao nhiêu, chỉ nhớ đây hui đã mẫn vào năm 2011. Đến ngày 24/10/2016 âm lịch, hai bên chốt nợ và thống nhất số nợ là 50.000.000 đồng và làm biên nhận.

Trong biên nhận ngày 24/10/2016 âm lịch mà bà làm căn cứ khởi kiện có nội dung là do bà viết, chữ viết “Nguyễn H” và chữ ký bên dưới là do bà H viết và ký. Đối với phần chữ viết “Đỗ T” và chữ ký là do bà L viết. Ông T và bà H là vợ chồng của nhau, và do những lần trước ông T cũng có ký vào những giấy nợ của bà nên khi chốt nợ bà tự viết tên ông T vào giấy biên nhận.

Tổng số tiền tính đến ngày 24/10/2016 âm lịch bà H còn thiếu nợ bà là 50.000.000 đồng. Mục đích bà H vay là để lo cho kinh tế trong gia đình. Do khi cần tiền và đòi nhiều lần nhưng không trả, vì vậy bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H cùng chồng là ông T phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 04/7/2016 và các biên bản hòa giải, bị đơn là bà Nguyễn H trình bày, bà H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ T trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến 2016 bà có vay tiền, chơi hụi với bà Nguyễn L và hiện có nợ tiền, nợ hụi của bà L.

Bà không nhớ rõ việc đã tham gia chơi hụi do bà L làm chủ hụi vào thời điểm nào, chỉ nhớ hụi 1.000.000 đồng thì đã mượn vào năm 2014. Tiền góp hụi thì bà vẫn có tháng đóng và có tháng không đóng chứ không phải hoàn toàn không đóng. Trong quá trình vay nợ, chơi hụi thì có một lần bà bị bệnh nên bà có nhờ chồng bà là ông T ký thay bà vào giấy nợ. Đối với 02 giấy biên nhận phía bà L đã trình bày, bà đồng ý có viết “Nguyễn H” và có ký tên vào tờ biên nhận đề ngày 24/10/2016, riêng phần chữ viết “Đỗ T” và chữ ký là do bà L tự ký và viết tên chứ ông T không có viết và ký vào. Đối với tờ biên nhận đề ngày 24/4/2016 bà thừa nhận dòng chữ ký và chữ viết là do bà tự ký và viết. Riêng phần nội dung “Tôi có hứa chị Linh tôi đang lo sổ vay tiền khoảng 10 ngày hơn tôi vay được tôi sẽ trả chị” cùng với chữ ký và viết “Nguyễn H” bên dưới không phải do bà viết và ký. Lần vay đầu tiên bà chỉ có vay của bà L số tiền là 12.150.000 đồng, hiện nay bà không xác định được cụ thể số tiền đã vay, số tiền nợ hụi là bao nhiêu, ngoài những giấy tờ đã cung cấp cho Tòa án thì bà không còn giấy tờ nào khác để cung cấp. Mục đích vay số tiền trên của bà là để chăm lo cho gia đình và dùng để trị bệnh.

Số tiền là 50.000.000 đồng không phải là tiền gốc mà có cả tiền vay, tiền hụi và tiền lãi. Khi vay tiền bà và bà L có thỏa thuận với nhau mức lãi suất là 6%, lãi nhập vốn, nếu lần nào không đóng lãi thì sẽ nhập vào tiền vốn rồi tăng số tiền vốn lên, việc này hai bên đồng ý và chỉ thỏa thuận miệng chứ không có làm giấy tờ gì hết.

Bà thừa nhận hiện nay bà còn thiếu bà L là số tiền là 50.000.000 đồng, bà và ông T đồng ý trả tiền cho bà L nhưng xin bà L giảm số tiền xuống còn 25.000.000 đồng và xin cho hai vợ chồng có thời gian trị bệnh, 06 tháng sau sẽ trả dần cho bà L với số tiền mỗi tháng là 500.000 đồng, không trả lãi cho đến khi hết nợ.

Sau khi tiến hành hòa giải không thành, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà L trình bày tính đến ngày 24/10/2016 âm lịch thì bà H còn thiếu nợ là 50.000.000 đồng, trong đó có các khoản nợ vay các lần là: 12.150.000 đồng, 10.000.000 đồng và 6.000.000 đồng và tiền nợ hụi bà không nhớ cụ thể nhưng là hơn 20.000.000 đồng. Việc cho vay trước đây các bên có thỏa thuận lãi là 6% nhưng từ năm 2014 đến nay bà không tính lãi vì do hoàn cảnh gia đình bà H nghèo. Đối với các lần cho vay bà cũng không nhớ cụ thể là cho vay vào thời

gian nào. Các bên đã thống nhất tính đến ngày 24/10/2016 âm lịch số tiền nợ vay, nợ hui chưa trả, tiền lãi là hơn 50.000.000 đồng nhưng bà tính chẵn là 50.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng bà H, ông T phải trả số tiền này. Do bị đơn sau đó có trả 500.000 đồng nên nay bà chỉ yêu cầu trả số tiền còn lại là 49.500.000 đồng.

Bà H trình bày bà vay và chơi hui của bà L từ năm 2012. Biên nhận nợ lập ngày 24/10/2016 nhưng đây không phải thời điểm bà vay số tiền này mà là thời điểm bà L chốt nợ và nhập số tiền nợ vay, nợ hui và tiền lãi lên trên 50.000.000 đồng và nói tính chẵn với số tiền là 50.000.000 đồng nên bà ký tên xác nhận nợ. Bà H cho rằng tiền lãi thì chỉ sau khi làm biên nhận 50.000.000 đồng bà L mới không tính lãi. Tuy nhiên, hiện nay bà không biết bà vay của bà L là bao nhiêu nợ gốc, các lần vay như thế nào, bà cũng không biết nợ lãi là bao nhiêu nhưng bà tính nợ gốc là khoảng 25.000.000 đồng nên xin bà L cho bà trả số tiền này. Bà cũng không biết tiền nợ hui là bao nhiêu. Bà H thừa nhận hiện còn nợ bà L số tiền nợ gốc và lãi là 50.000.000 đồng nhưng bà xin trả dần nhưng bà L không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung:

Bà Nguyễn L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn H và ông Đỗ T phải trả cho bà số tiền nợ là 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H đều thừa nhận hiện nay còn thiếu bà L số tiền nợ mà bà vay, tiền hui, tiền lãi tổng cộng là 50.000.000 đồng.

Các bên đều thống nhất biên nhận ngày 24/10/2016 âm lịch mà nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện không phải là số tiền vay một lần mà vay nhiều lần và tiền nợ hui nhiều lần. Ngày 24/10/2016 âm lịch (ngày 23/11/2016) là ngày 02 bên chốt nợ và thống nhất số nợ tính đến ngày 24/10/2016 âm lịch là 50.000.000 đồng.

Như vậy, có cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến 2016, giữa bà Nguyễn L và bà Nguyễn H có hợp đồng vay và chơi hui. Hai bên đã quyết toán với nhau đến ngày 24/10/2016 âm lịch, bà H còn thiếu bà L số tiền là 50.000.000 đồng.

Các bên thống nhất việc vay của các bên là hợp đồng vay không có kỳ hạn, có lãi. Khi cần đòi lại số tiền, bà L yêu cầu đòi nợ và có thông báo cho bà H biết nhưng bà H không trả nợ nên bà L khởi kiện đến Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy các bên thống nhất có việc vay tiền, chơi hui giữa bà L và bà H nhưng không thống nhất số tiền nợ vay và nợ hui, tiền lãi.

Do các đương sự trình bày việc cho vay lãi suất 6%/tháng, tương đương 72%/tháng. Lãi suất này vượt quá quy định tại thời điểm cho vay cũng như quy định tại thời điểm xét xử cho nên Hội đồng xét xử xem xét tính lại tiền lãi với mức cao nhất được chấp nhận là 20%/năm, tương ứng 1,66%/tháng, đối với số tiền lãi suất vượt quá quy định sẽ không xem xét.

Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng tiền nợ vay là 12.150.000 đồng, 10.000.000 đồng và 6.000.000 đồng và tiền nợ hui bà không nhớ cụ thể nhưng là hơn 20.000.000 đồng.

Bị đơn cho rằng trong đó có cả tiền lãi, nợ vay cộng lại nhưng không biết tiền nợ vay là bao nhiêu, tiền nợ hui là bao nhiêu và tiền lãi là bao nhiêu nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét tính lại khoản tiền lãi cho vay, tiền nợ hui để trừ vào nợ gốc.

Do bị đơn đồng ý hiện tại còn thiếu nợ nguyên đơn số tiền là 50.000.000 đồng và yêu cầu được trả $\frac{1}{2}$ số tiền theo phương thức trả dần do hoàn cảnh kinh tế hiện tại đang gặp khó khăn nhưng yêu cầu này không được nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Hội đồng xét xử chỉ xem xét việc tại phiên tòa các đương sự thừa nhận là sau ngày 24/10/2016 âm lịch bị đơn có trả 500.000 đồng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bà H phải trả cho chị Linh số tiền nợ là 50.000.000 đồng – 500.000 đồng = 49.500.000 đồng.

Đối với ông T là chồng của bà H và việc bà H vay tiền, chơi hui với mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông T, chồng bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng vợ.

[2]. Về án phí:

Bà H, ông T phải chịu án phí là 5% của số tiền 49.500.000 đồng, được tính là 2.475.000 đồng.

Bà L không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.350.000 đồng .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 357, 463, 466, 468, 469, 471 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn L đối với bà Nguyễn H và ông Đỗ T về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ vay, nợ hui.

Buộc bà Nguyễn H và ông Đỗ T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn L số tiền là 49.500.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn L, nếu bà Nguyễn H và ông Đỗ T chưa thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả là 10%/năm trên số tiền chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn H và ông Đỗ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.475.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn nghìn đồng*); bà H, ông T còn phải nộp đủ số tiền này.

- Bà Nguyễn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.350.000 đồng (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006581 ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng